TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/DS-ST
Ngày: 30/8/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Truyền.

2. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2019/TLST-DS ngày 16/4/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên toà số 54/2019/QĐST-DS ngày 09/8/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đ; Địa chỉ trụ sở: Số 130 P, Phường 3, quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Khánh V. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh L– Phòng giao dịch 24h B. (Theo Văn bản uỷ quyền số 676/QĐ-DAB-PC ngày 05/6/2019). Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lê Kim T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 59, tổ 6, khu 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ do bà Phạm Thị Khánh V đại diện trình bày:

Ngày 19/6/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - chi nhánh L- Phòng giao dịch 24h (gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng liên kết số 017-14/HĐLK với Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn C để cho vay trả góp đối với hội viên của hội phụ nữ. Theo đó các hội viên đáp ứng đủ điều kiện trong hợp đồng liên kết được lãnh đạo Hội phụ nữ và lãnh đạo UBND thị trấn C xác nhận sẽ được Ngân hàng Đ xem xét duyệt hạn mức cho vay theo từng đợt theo quy định của Ngân hàng Đ.

Ngày 16/10/2017, Ngân hàng Đ giải ngân vay trả góp cho 18 hội viên theo hợp đồng số 0130284707T01T17004 các bên thỏa thuận số tiền vay là 305.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm (lãi suất quá hạn 18%/năm), thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 16/10/2017 đến ngày 16/10/2018, hình thức trả góp hàng tháng với tổng số tiền của 18 hội viên trong đợt vay là 30.500.000 đồng, khi vay bên vay không thế chấp bất kỳ tài sản gì cho Ngân hàng, hình thức thanh toán: lãi gốc chia đều và góp vào ngày 16 hàng tháng.

Bà Lê Thị Kim T là hội viên của Hội phụ nữ thị trấn C từ năm 2014 nên được Ngân hàng duyệt hồ sơ với hạn mức là 20.000.000đ vào ngày 09/10/2017 theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/9/2017 giải ngân vào tài khoản thẻ của bà Lê Kim T tại Ngân hàng Đ là 0108787861 với số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 12%/năm (lãi quá hạn 18%/năm). Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà T có trách nhiệm trả dần liên tiếp trong vòng 12 tháng với số tiền mỗi tháng là 2.000.000đ, kỳ cuối 400.000đ bắt đầu từ ngày 16/10/2017 đến ngày 16/10/2018.

Thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 8.461.538đ đồng tiền gốc, 1.538.642đ tiền lãi trong hạn, tổng cộng là 10.000.180 đồng. Kể từ ngày 29/8/2018, bà T không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất kỳ khoản vay gốc và lãi nào cho đến nay dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nhiều lần.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bà Lê Kim T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/8/2019 là 14.459.615 đồng (bao gồm 11.538.462 đồng tiền gốc, 861.538 đồng tiền lãi trong hạn và 2.059.615 đồng lãi quá hạn) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 31/8/2019 cho đến khi bà T thanh toán hoàn tất số nợ.

Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà. Tuy nhiên, bà T đều không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện bà Lê Kim T về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Bị đơn bà Lê Kim T đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 10/9/2017, bà T ký giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ với Ngân hàng vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, phương thức thanh toán là trả dần gốc lãi trong 12 tháng, bắt đầu từ từ ngày 16/10/2017 đến ngày 16/10/2018. Xét thấy giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/9/2017 được xác lập dựa trên

cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện đã thoả thuận trong hợp đồng.

Tuy nhiên bà T chỉ thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 29/8/2018 với số tiền 8.461.538đ đồng tiền gốc, 1.538.642đ tiền lãi trong hạn. Từ 29/8/2018 đến nay bà T không thanh toán tiếp cho ngân hàng nên tính đến ngày 30/8/2019 bà T còn nợ lại 14.459.615 đồng (bao gồm 11.538.462 đồng tiền gốc, 861.538 đồng tiền lãi trong hạn và 2.059.615 đồng lãi quá hạn). Bà T không thanh toán nợ theo thoả thuận với ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ khác, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Từ các tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Lê Kim T phải trả 11.538.462 đồng tiền gốc, 861.538 đồng tiền lãi trong hạn, 2.059.615 đồng lãi quá hạn và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 31/8/2019 cho đến khi trả hết nợ.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Kim T chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 14.459.615 đồng , hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc bà Lê Kim T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 14.459.615 đồng (bao gồm 11.538.462 đồng tiền gốc, 861.538 đồng tiền lãi trong hạn và 2.059.615 đồng lãi quá hạn).

Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 31/8/2019 theo khế ước vay ngày 10/9/2017 cho đến khi bà T trả hết nợ.

2. Về án phí: Bà Lê Kim T phải chịu 722.981 đồng (Bảy trăm hai mươi hai ngàn chín trăm tám mươi mốt đồng) sung Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ 336.827 đồng (Ba trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0005248 ngày 11/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh L.
-VKSND huyện B.
-THA huyện B.
-Các đương sự.
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Miên